**Phân tích bài thơ Việt Bắc - mẫu số 3**

Thơ Tố Hữu là những vần thơ thể hiện tiếng nói của dân tộc, của tâm hồn những con người gắn bó sâu sắc với sự nghiệp cách mạng, với quê hương, với đất nước. Trong những vần thơ ấy ta sẽ bắt gặp những tình cảm mến thương sâu sắc, trữ tình, xuất phát từ một trái tim trung thành với dân tộc với nhân dân và tiêu biểu hơn cả là bài thơ Việt Bắc, một trong những bài thơ hay nhất của Tố Hữu.

Tố Hữu (1920-2002), tên khai sinh là Nguyễn Duy Thành, quê ở xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, cái nôi của văn học dân gian. Tố Hữu là nhà thơ lớn, là người tiên phong của nền thơ ca cách mạng Việt Nam, thơ ông luôn gắn bó với những chặng đường cách mạng của dân tộc. Phong cách thơ mang tính trữ tình chính trị vô cùng sâu sắc, hướng đến những cái tôi chung với lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn, cái tôi trong thơ của ông luôn nhân danh Đảng, cộng đồng dân tộc, những vần thơ ấy vừa giàu nhạc điệu lại mang tính dân tộc đậm đà.

Ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ thắng lợi, gây chấn động địa cầu đã mở ra cho nước ta một trang sử mới một kỷ nguyên mới. Sau khi kí hiệp định Giơ-ne-vơ (7/1954), miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, Pháp rút quân về nước. Tháng 10/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra chỉ thị toàn bộ các cơ quan trung ương Đảng và Chính phủ từ Việt Bắc dời về thủ đô. Từ đây, những người chiến sĩ cách mạng chia tay với miền rừng núi bạt ngàn để về xuôi, bước sang một trang mới của cách mạng đất nước, Việt Bắc đã ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt như vậy.

Mở đầu bài thơ với giọng thơ trữ tình, êm đềm tha thiết, nhà thơ đã thể hiện tình cảm của người ở lại dành cho người ra đi.

“Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?

Tác giả sử dụng cặp xưng hô “mình-ta”, ở đây không phải đang nói đến xưng hô giữa những đôi lứa yêu nhau hay cặp vợ chồng nào đó mà là lời đối đáp của những người cách mạng với người dân Việt Bắc. Cách xưng hô ấy vừa mang tính dân tộc đậm đà lại thể hiện được tính trữ tình chính trị sâu sắc trong thơ Tố Hữu, như tiếng nói trong tình yêu đôi lứa, thể hiện sự gắn bó sâu sắc của người đi kẻ ở, đầy ngậm ngùi, lưu luyến. “Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng”, sự gắn bó ấy không phải chỉ trong những năm kháng chiến chống Pháp mà xuất phát từ những năm kháng chiến chống Nhật, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (1940). Một khoảng thời gian dài chiến đấu gian khổ, càng làm cho tình cảm giữa những người chiến sĩ cách mạng và người dân Việt Bắc thêm sắt son, mặn nồng, thấm đượm ân tình. Mười lăm năm là quãng thời gian không ngắn cũng chẳng dài nhưng nó đủ khiến cho những cảm xúc biến thành hoài niệm, không thể nào lãng quên, như Chế Lan Viên từng viết “Khi ta ở đất chỉ là nơi đất ở/Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn”. “Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn?” , và đặc biệt nỗi nhớ ấy đã lan tỏa khắp núi rừng, phải yêu, phải gắn bó, phải sống một trái tim chân tình biết mấy mới có thể có những cảm xúc thiết tha đến vậy?

“Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay…”

Từ phiếm chỉ “ai”, gợi nhiều cảm xúc, ở đây “ai” có thể là người ra đi, cũng có khi là người ở lại. Từ láy “tha thiết” được lấy lại từ từ “thiết tha” đã khắc họa rõ ràng hơn tình cảm của người ra đi và người ở lại, từ “bâng khuâng” và “bồn chồn” chất chứa nhiều tâm tình, ở đó có niềm vui toàn thắng, niềm vui được về lại quê hương, đoàn tụ với gia đình; và ở đó cũng ẩn chứa nhiều nỗi buồn, phải chia tay mảnh đất thấm đẫm nghĩa tình. “Áo chàm đưa buổi phân ly”, hình ảnh chiếc áo có phần cổ điển, truyền thống thể hiện sự quyến luyến, là hình ảnh hoán dụ của con người Việt Bắc, là màu áo nâu giản dị, hiền hòa, thể hiện vẻ đẹp tâm hồn, linh hồn của người dân và núi rừng Tây Bắc, đang đưa tiễn người chiến sĩ cách mạng. Câu “Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay…”, nhịp thơ 3/4 như tạo một khoảng lặng giữa lúc phân li ngậm ngùi, nhìn nhau mà nghẹn lòng, ngập ngừng không muốn nói điều chi, để cảm xúc ấy phiêu lãng, len lỏi trong tâm hồn, thành kỷ niệm khó phai.

“Mình đi, có nhớ những ngày

Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù

Mình về, có nhớ chiến khu

Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai?

Mình về, rừng núi nhớ ai

Trái bùi để rụng măng mai để già.”

Sau mỗi cụm từ “Mình đi”, “Mình về”, nhà thơ đã tinh tế đặt một dấu phẩy, đây chính là giây phút, là khoảnh khắc ngưng đọng, để kỷ niệm ùa về trong tâm tưởng. Những kỷ niệm ấy ngự trị trong từng khoảnh khắc thời gian “những ngày”, không gian “chiến khu”. Những hình ảnh “mưa nguồn suối lũ”, “những mây cùng mù”, “miếng cơm chấm muối”, là hình ảnh ẩn dụ cho những khó khăn gian khổ của người làm cách mạng những năm đầu kháng chiến nơi núi rừng Việt Bắc, và chính những khó khăn ấy đã khiến cho nghĩa tình quân dân trở nên thắm thiết, keo sơn. Biện pháp nhân hóa “rừng núi nhớ ai” như thổi vào khung cảnh núi rừng nỗi nhớ nhung dạt dào, sâu thẳm, từ phiếm chỉ “ai” thấm đẫm bao cảm xúc ân tình. Những cụm từ “trái bùi để rụng”, “măng mai để già” đã thể hiện nỗi buồn sâu thẳm, vắng lặng khi người cách mạng về xuôi để lại núi rừng Tây Bắc chênh vênh, lạ lẫm khi nhịp sống đột ngột thay đổi từ đông vui về vắng vẻ đìu hiu.

“Mình đi, có nhớ những nhà

Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son

Mình về còn nhớ núi non

Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh

Mình đi mình có nhớ mình

Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa?”

Nỗi nhớ ấy càng được thể hiện rõ ràng hơn với từ “những nhà”, nghệ thuật đối lập trong câu thơ “Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son”, khẳng định một chân lý rằng càng khó khăn gian khổ, thì tình nghĩa quân dân lại càng thêm đoàn kết gắn bó, sắt son một lòng. Những người ở lại nhắc về kỷ niệm xưa cũ từ những ngày đầu mới quen, từ những năm còn kháng chiến chống Nhật để kỷ niệm càng thêm khắc sâu vào tâm hồn người đi. Từ “mình” được lặp lại trong câu thơ “Mình đi mình có nhớ mình” đã gợi nhắc đến câu ca dao “Ta với mình tuy hai mà một” càng khẳng định sự gắn bó thiết tha. Những địa danh vô cùng quen thuộc với người ra đi và cả người ở lại “Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa?”, gợi nhắc lại những kỷ niệm xưa cũ, hào hùng, sâu sắc tình cảm sâu sắc của những người chiến sĩ cách mạng với người dân Tây Bắc.

“Ta với mình, mình với ta

Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh

Mình đi, mình lại nhớ mình

Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu...

Nhớ gì như nhớ người yêu

Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương

Nhớ từng bản khói cùng sương

Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.

Nhớ từng rừng nứa bờ tre

Ngòi Thia sông Ðáy, suối Lê vơi đầy”

Lối đối đáp “mình-ta” tiếp tục được sử dụng, kết cấu “Ta với mình, mình với ta” tạo nên lời đồng vọng tha thiết. Đến đây, ta cũng là mình, mình cũng như ta. Câu thơ “Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh” đã thể hiện tình cảm thủy chung son sắt mà người cách mạng dành cho mảnh đất Việt Bắc nghĩa tình, như một lời thề trong tình yêu đôi lứa. Biện pháp so sánh trong câu “Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu...”, đã thể hiện một điều vô cùng thiêng liêng và sâu sắc: Nghĩa tình của con người Việt Bắc thật trong trẻo, đong đầy không có bao giờ có thể vơi cạn như tình yêu thương của lòng mẹ hiền với con cái của mình. Nhà thơ đã so sánh nỗi nhớ ở đây giống như nỗi nhớ người yêu, để trữ tình hóa tình cảm cách mạng, tình quân dân để tất cả trở nên tha thiết hơn, dịu ngọt hơn. Và cũng bởi lẽ nỗi nhớ trong tình yêu là nỗi nhớ thẳm sâu và tha thiết nhất, từ nỗi nhớ ấy, Việt Bắc hiện ra với một không gian thật thơ mộng, câu thơ “Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương” đã thể hiện nỗi nhớ lan tỏa trong không gian và ngự trị trong từng khoảnh khắc của thời gian, cả đêm lẫn ngày. Hình ảnh “Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.” gợi về một miền Việt Bắc mến thương, nồng nàn, ấm áp. Điệp ngữ “nhớ từng” cho chúng ta những cảm nhận như nhà thơ đang lật giở từng trang ký ức, Tố Hữu đã liệt kê những địa danh “sông Đáy, suối Lê” và đến hai tiếng vơi đầy khép lại đoạn thơ thì đây không chỉ còn đơn thuần là địa danh mà là nơi đong đầy kỷ niệm: Bao nhiêu nước, bao kỷ niệm đầy vơi, bao nghĩa tình ấm áp ngọt ngào.

“Ta đi, ta nhớ những ngày

Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...

Thương nhau, chia củ sắn lùi

Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng

Nhớ người mẹ nắng cháy lưng

Ðịu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô

Nhớ sao lớp học i tờ

Ðồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan

Nhớ sao ngày tháng cơ quan

Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.

Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều

Chày đêm nện cối đều đều suối xa...”

Cụm từ “Ta đi ta nhớ…” là lời tâm sự chân thành và là lời nhắn nhủ tha thiết của người đi dành cho những người ở lại, của người cách mạng dành cho mảnh đất Việt Bắc anh hùng, cụm từ “Mình đây ta đó…” kết hợp với “đắng cay ngọt bùi” càng nhấn mạnh hơn những ân tình sâu thẳm. Hai tiếng “thương nhau”, thật nhẹ nhàng nhưng cũng thật sâu lắng, người đi kẻ ở “Thương nhau chia củ sắn lùi”, “Bát cơm xẻ nửa, chăn sui đắp cùng” đã thể hiện những tình cảm đùm bọc, chia sẻ, gắn bó khăng khít đậm đà nghĩa tình quân dân, chính sức mạnh đoàn kết ấy đã tạo nên chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng. Nhà thơ đã khắc họa hình ảnh người mẹ “Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô”, đây là một hình ảnh đẹp, gợi nhiều cảm xúc, từ “cháy” rất giàu hình tượng nhấn mạnh nỗi vất vả gian lao của người mẹ trong kháng chiến. Tác giả sử dụng điệp ngữ “Nhớ sao” là nỗi nhớ đầy cảm xúc cùng với đó là những hoạt động ở chiến khu Việt Bắc: Lớp học i tờ, những giờ liên hoan, ca vang núi đèo, đã tạo nên một không khí vui tươi thấm đẫm tình đoàn kết quân dân, thể hiện tinh thần lạc quan cách mạng, niềm tin cách mạng nhất định thắng lợi: Dù bom đạn, chiến tranh, đau thương, gian khổ, quân và dân vẫn gắn bó với nhau trong khúc nhạc hân hoan, rộn ràng. Đoạn thơ rất giàu nhạc điệu là khúc ca ca ngợi cuộc sống vẫn đẹp, nghĩa tình vẫn sâu chan chứa trong lòng người cách mạng và núi rừng Việt Bắc thân thơ. Câu thơ cuối khép lại với tiếng mõ, tiếng chày, tiếng suối xa gợi nhiều cảm xúc mênh mang, lan tỏa.

“Ta về, mình có nhớ ta

Ta về ta nhớ những hoa cùng người

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Ðèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.

Ngày xuân mơ nở trắng rừng

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang

Ve kêu rừng phách đổ vàng

Nhớ cô em gái hái măng một mình

Rừng thu trăng rọi hòa bình

Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung.”

Bức tranh tứ bình hiện lên thật đẹp đẽ, câu hỏi tu từ “Ta về mình có nhớ ta”, chất chứa bao nỗi niềm, là cái cớ để người ra đi bộc lộ bao nỗi nhớ nhung, bao yêu thương. Cụm từ “những hoa cùng người” có kết cấu như một thành ngữ, trong nỗi nhớ của người ra đi, hoa là biểu tượng cho thiên nhiên, một bức tranh thiên nhiên đẹp và thơ mộng. Mở đầu bức tranh là mùa đông Việt Bắc, là mùa đông với “hoa chuối đỏ tươi” điểm xuyết trên nền xanh bạt ngàn của núi rừng, tạo nên một bức tranh vô cùng sinh động và nhiều màu sắc, tạo cảm giác ấm áp xua đi cái lạnh cắt da cắt thịt ở mảnh đất Việt Bắc.

Con người hiện ra trong tư thế lao động, rất đẹp rất kỳ vĩ, con người như chiếm lĩnh đỉnh cao, hình ảnh được tạo nên bằng nghệ thuật hội tụ ánh sáng của nhiếp ảnh. Mùa xuân hiện ra với cảnh “mơ nở trắng rừng”, vô cùng thơ mộng, tạo nên một bức tranh đẹp, ấm áp, lung linh, hình ảnh con người cũng trong trong tư thế lao động “chuốt từng sợi giang”, động từ “chuốt”, thể hiện một công việc cần cù, kiên nhẫn, tỉ mỉ, khắc họa vẻ đẹp của con người Việt Nam trong kháng chiến. Tiếp đến là mùa hạ thật sinh động và tràn đầy sức sống, cảnh thiên nhiên có thêm tiếng ve rộn rã ngân vang núi rừng và tràn đầy sắc vàng của rừng phách. Hình ảnh “cô em gái hái măng một mình” thật đẹp và thơ mộng biết bao. Khép lại bức tranh tứ bình là cảnh mùa thu, mùa thu hòa bình, mùa thu của cách mạng tháng tám thành công, mùa thu năm 1954, tất cả đã được tượng trưng trong một vầng trăng rất đẹp. Câu thơ “Nhớ ai tiếng hát ân tình thuỷ chung” vừa khép lại bức tranh tứ bình về cảnh và người Việt Bắc, đồng thời cũng khép lại khúc tình ca hào hùng về cuộc kháng chiến.

Trong nỗi nhớ của người ra đi và người ở lại đều không thể không nhắc đến những ngày đầu của cuộc kháng chiến, đó là khi “Giặc đến giặc lùng”, từ “lùng” đã thể hiện sự nguy hiểm của quân thù. “Rừng cây núi đá ta cùng đánh tây” cùng với “Đất trời ta cả chiến khu một lòng” đã thể hiện sự gắn bó sâu sắc của thiên nhiên và con người trong cuộc kháng chiến. Ở đây, thiên nhiên đã trở thành một sinh thể có linh hồn, chở che cho bộ đội, bủa vây quân thù, hình ảnh “Núi giăng thành lũy sắt dày” kết hợp với kết cấu trùng điệp “Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù”, giàu sức gọi, góp phần thể hiện cho sức mạnh của dân tộc, sức mạnh không thể bị hủy diệt. Điệp từ “nhớ” kết hợp với những cụm từ “nhớ từ”, “nhớ sang”, những địa danh gắn liền với những chiến công, tất cả cho ta cảm nhận về nỗi nhớ trải dài khắp chiến khu Việt Bắc. Lời thơ mạnh mẽ, hình ảnh thơ sinh động cùng việc sử dụng những biện pháp nghệ thuật tu từ đã giúp nhà thơ khẳng định sức mạnh vĩ đại của dân tộc, đồng cũng bộc lộ nỗi nhớ và niềm tri ân sâu sắc đối với núi rừng Việt Bắc thấm đẫm tình thương.

“Những đường Việt Bắc của ta

Ðêm đêm rầm rập như là đất rung

Quân đi điệp điệp trùng trùng

Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan

Dân công đỏ đuốc từng đoàn

Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.

Nghìn đêm thăm thẳm sương dày

Ðèn pha bật sáng như ngày mai lên.

Tin vui chiến thắng trăm miền

Hoà Bình, Tây Bắc, Ðiện Biên vui về

Vui từ Ðồng Tháp, An Khê

Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.”

Câu thơ “Những đường Việt Bắc của ta” đã thể hiện sự gắn bó sâu sắc của mảnh đất Việt Bắc, của chiến khu Việt Bắc với nhân dân với đất nước bởi đây là quê hương cách mạng là trái tim của cả nước trong những tháng ngày kháng chiến chống Pháp. Biện pháp nghệ thuật tu từ so sánh “như là đất rung” kết hợp với hình ảnh “quân đi điệp điệp trùng trùng” đã thể hiện sức mạnh vĩ đại của đoàn quân ra tiền tuyến, đoàn quân dài như vô tận rất kỳ vĩ và hào hùng.

Câu thơ “Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan” đã kết hợp ba biện pháp nghệ thuật tu từ ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ, hình ảnh “ánh sao đầu súng” gợi nhắc đến hình ảnh “đầu súng trăng treo” trong thơ của Chính Hữu và “súng ngửi trời” trong thơ Quang Dũng thể hiện tầm cao của người lính, đây là một hình ảnh đẹp và rất giàu chất thơ. Hình ảnh đoàn dân công vô cùng mạnh mẽ, đông đúc “đỏ đuốc từng đoàn”, “bước chân nát đá”, gợi nhắc đến thành ngữ “Chân cứng đá mềm” khẳng định sức mạnh và sự vững chãi, bền bỉ của con người Việt Nam trước bão tố chiến tranh. Trong đêm tối của chiến tranh, quân và dân ta luôn hướng về ngày mai, luôn nuôi dưỡng niềm tin mãnh liệt về một ngày mai chiến thắng. Và cuối cùng tin vui đã về trên khắp đất nước, những người chiến sĩ về Hà Nội, về miền xuôi, nhưng vẫn đọng lại trong trái tim họ biết bao kỷ niệm, biết bao yêu thương, họ mang theo niềm vui toàn thắng trong những ngày cuộc kháng chiến khép lại.

“Ai về ai có nhớ không?

Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang.

Nắng trưa rực rỡ sao vàng

Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công

Ðiều quân chiến dịch thu đông

Nông thôn phát động, giao thông mở đường

Giữ đê, phòng hạn, thu lương

Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu...

Ở đâu u ám quân thù

Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi

Ở đâu đau đớn giống nòi

Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.

Mười lăm năm ấy ai quên

Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa

Mình về mình lại nhớ ta

Mái đình Hồng Thái cây đa Tân Trào.”

Những câu thơ cuối cùng khép lại đoạn trích là quang cảnh Việt Bắc sau chiến thắng Điện Biên Phủ, khắp nơi hân hoan trong những màu sắc rực rỡ vui tươi của nắng vàng, của cờ đỏ. Trung ương Đảng và Chính phủ thu xếp trở về thủ đô, trong không khí nhộn nhịp, miền Bắc ngày một đổi mới với chính sách mới của Đảng và nhà nước “Giữ đê, phòng hạn, thu lương/Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu...”. Đồng thời đoạn thơ cũng là lời ngợi ca những công lao vĩ đại của Bác Hồ kính yêu, là lời tri ân sâu sắc với miền núi rừng Việt Bắc thân thương, dù mai này đã về thủ đô nhưng trong tim những người chiến sĩ cách mạng luôn giữ một góc trong tim dành cho Việt Bắc, dành cho “Mái đình Hồng Thái cây đa Tân Trào”.

Cả đoạn trích như một bản nhạc nhịp nhàng, tha thiết được hòa tấu bởi là khúc tình ca và khúc trường ca về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, về những con người kháng chiến anh hùng. Thông qua khúc nhạc đẹp đẽ, hào hùng ấy nhà thơ đã bộc lộ được những tình cảm tha thiết, sâu đậm của mình dành cho vùng núi rừng Việt Bắc, ngợi ca tình đồng chí, nghĩa tình đồng bào. Qua đó, tác giả cũng nhắn nhủ đến người đọc đừng quên những trang sử hào hùng của dân tộc, những trang sử thấm đẫm máu và nước mắt, cũng là những những trang sử thấm đượm tình cách mạng, lòng yêu nước sâu sắc.

**Phân tích bài thơ Việt Bắc - mẫu 4**

Là một trong số những gương mặt tiêu biểu của thơ ca kháng chiến, với tư cách là một nhà thơ – chiến sĩ, Tố Hữu đã góp vào nền văn học cách mạng nói riêng và nền văn học Việt Nam nói chung nhiều tác phẩm có giá trị với một phong cách nghệ thuật rất riêng. Và có thể nói, “Việt Bắc” là một trong số những sáng tác tiêu biểu của ông. Bài thơ được sáng tác vào tháng 10 năm 1954, nhân sự kiện trung ương Đảng và Chính phủ cùng những người cách mạng từ căn cứ miền núi trở về miền xuôi.

“Việt Bắc” với việc sử dụng cặp đại từ nhân xưng “mình” – “ta” cùng kết cấu đối đáp vốn quen thuộc trong ca dao, dân ca giúp người đọc hình dung ra cuộc chia tay giữa nhân dân với trung ương Đảng, Chính phủ như cuộc chia tay của một đôi trai gái, đầy bịn rịn, lưu luyến, nhớ thương và qua đó làm cho nỗi niềm cảm xúc của nhân vật trữ tình được dài bày một cách đầy đủ, vẹn tròn và sâu sắc nhất. Có thể nói, bài thơ được chia làm hai lời đối đáp giữa kẻ ở và người đi.

Tám câu thơ đầu bài thơ là lời đối đáp thứ nhất của người ra đi và người ở lại. Để rồi, qua lời đối đáp ấy người đọc có thể hình dung thấy khung cảnh chia tay lưu luyến, nói chẳng nên lời giữa nhân dân Việt Bắc với những người cán bộ:

Mình về mình có nhớ ta

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi nhìn cây nhớ nguồn.

Với việc sử dụng phép điệp cấu trúc “mình về mình có nhớ…” dưới hình thức một câu hỏi, qua đó người ở lại gợi nhắc lại những kỉ niệm sâu sắc trong thời gian “mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng” – mười lăm năm nghĩa tình, mười lăm năm gắn bó thủy, mười lăm năm đồng cam cộng khổ mà người dân Việt Bắc và những người cán bộ đã sát cánh bên nhau. Và trước những lời ướm hỏi đầy chân tình ấy của nhân dân, của người ở lại, người ra đi đã không thể che dấu nỗi lòng mình. Để rồi, có lẽ, sẽ chẳng ai có thể nào quên được khung cảnh những người “áo chàm” tiễn cán bộ về xuôi, tay trong tay nói chẳng nói chẳng nên lời giữa kẻ ở người đi. Khung cảnh bịn rịn ấy được thể hiện rõ nét qua hàng loạt các từ thể hiện cảm xúc của người ra đi “bâng khuâng”,”bồn chồn”, “cầm tay nhau biết nói gì hôm nay”,…

Nếu như tám câu thơ đầu bài thơ là lời đối đáp thứ nhất của người ra đi và người ở lại thì phần còn lại của bài thơ chính là lời đối đáp thứ hai. Mở đầu lời đối đáp thứ hai là lời của người ở lại với mười hai câu thơ. Dường như, trong nỗi niềm của người ở lại, câu hỏi “có nhớ” luôn là nỗi quan tâm duy nhất, luôn thường trực trong họ và xuyên suốt toàn bộ tác phẩm. Và nếu như ở lời đối đáp thú nhất, lời hỏi “có nhớ” của người ở lại chỉ là lời ướm hỏi thì đây, người ở lại đã gợi nhắc lại một cách chi tiết, cụ thể những kỉ niệm son sắt trong quãng thời gian mười lăm năm. Đó là những kỉ niệm dẫu khó khăn, gian nan nhưng tràn đầy ân nghĩa và tấm lòng lạc quan, niềm tin yêu giữa cán bộ và nhân dân. Đặc biệt, ở đây, điệp từ “có nhớ” lại thêm một lần nữa được điệp lại nhiều lần như khắc sâu vào trái tim, vào nỗi lòng của cả người ra đi và người ở lại.

Và rồi, trước lời của người ở lại, người ra đi đã khẳng định một cách chắc chắn về nỗi nhớ con người, cảnh vật nơi đây, lời đáp của người ra đi như một lời thề thủy chung son sắt – lời thề về một nỗi nhớ khôn nguôi, da diết:

Ta với mình mình với ta

Tình ta sau trước mặn mà đinh ninh

Mình đi mình lại nhớ mình

Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu.

Và rồi, trong lời đáp của mình, người ra đi đã vẽ lại một cách chân thực và sâu sắc từng kỉ niệm, từng ấn tượng của mình của thiên nhiên, về con người và về những năm tháng gian khổ mà hào hùng, những ân tình giữa người ra đi và người ở lại. Trước hết, đó là nỗi nhớ về thiên nhiên Việt Bắc. Trong cảm nhận của người ra đi, thiên nhiên Việt Bắc hiện lên thật vẹn tròn, mang đầy đủ những đặc trưng rất riêng của núi rừng Việt Bắc – một bức tranh thiên nhiên mờ ảo, hư thực, gần gũi và thân quen. Đó là ánh trăng thanh bình giữa núi ngàn bao la, mênh mông với hình ảnh đậm chất thơ “trăng lên đầu núi”. Đó là “nắng chiều lưng nương” – ánh nắng chan hòa, ấm áp mỗi buổi chiều. Đó là những bản làng chìm trong màn sương trông thật huyền ảo với những ảnh lửa bập bùng trong đêm tối và cả những rừng nứa, bờ tre, suối Lê – những hình ảnh rất riêng, là điệu hồn riêng củ núi rừng Tây Bắc.

Nhớ từng bản khói cùng sương

Sớm khuya bếp lửa người thương đi về

Nhớ từng rừng nứa bờ tre

Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy

Không dừng lại ở đó, bức tranh thiên nhiên Việt Bắc trong nỗi nhớ của người ra đi đó còn là bức tranh tứ bình, để rồi trong đó, người đọc cảm nhận được sự chuyển mình của thiên nhiên, của cảnh vật Việt Bắc ở mỗi mùa trong năm. Mùa đông, thiên nhiên Việt Bắc hiện lên với vẻ hài hào giữa nền xanh của rừng cây bạt ngàn chính là sắc đỏ của những bông hoa chuối rừng – “rừng xanh hoa chuối đỏ tươi” – sự kết hợp hài hòa ấy tạo cho bức tranh mùa xuân nơi đây thêm thật đẹp, thật ấm áp và ánh lên sức sống. Xuân qua, đông tới, thiên nhiên Việt Bắc khoác lên mình sắc trắng của hoa mơ – loài hoa đặc trưng, báo hiệu xuân về trên mảnh đất Việt Bắc. Sắc trắng của hoa mơ như bung tỏa khắp mọi không gian của núi rừng – “ngày xuân mơ nở trắng rừng”. Và để rồi, hè về, thiên nhiên nơi đây lại nhanh chóng, đột ngột chuyển mình. Dường như, tiếng “ve kêu” đã làm cho “rừng phách đổ vàng”, rừng phách đã chuyển mình, đã bừng tỉnh để đón hè về. Đặc biệt, trong bức tranh ấy, hình ảnh mùa thu với ánh trăng hòa bình gợi nên trong chúng ta thật nhiều nỗi niềm, thật nhiều ấn tượng.

Nhớ về Việt Bắc, người ra đi không chỉ nhớ về vẻ đẹp rất riêng của thiên nhiên và còn nhớ cả về những con người ân nghĩa nơi mảnh đất này. Đó là hình ảnh những người mẹ kháng chiến vất vả, lam lũ, cơ cực nhưng cần cù chịu khó:

Nhớ người mẹ nắng cháy lưng

Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô.

Vất vả, lam lũ là thế nhưng những con người nơi đây vẫn sống với nhau thật thủy chung, tình nghĩa, họ luôn đồng cam cộng khổ với nhau, chia ngọt sẻ bùi, lạc quan, yêu đời để cùng nhau vượt qua những năm tháng khó khăn, gian nan của cuộc kháng chiến.

Thương nhau chia củ sắn lùi

Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng

(…)

Nhớ sao ngày tháng cơ quan

Gian nan đời vẫn ca vang nùi đèo

Đồng thời, hình ảnh con người Việt Bắc mỗi mùa một công việc khác nhau nhưng luôn hiện lên trong tư thế lao động, tư thế làm chủ quê hương, đất nước. Có lẽ, người đọc sẽ không thể nào quên được hình ảnh tỉ mỉ, cẩn thận “người đan nón chuốt từng sợi giang”, là hình ảnh “cô em gái hái măng một mình” và đó còn là “tiếng hát ân tình thủy chung” gợi nên trong lòng người ra đi bao nhiêu nghĩ suy, bao nhiêu ân nghĩa. Như vậy, trong nỗi nhớ của người ra đi, hình ảnh thiên nhiên và con người Việt Bắc hiện lên thật đẹp.

Đặc biệt, nhớ về Việt Bắc, người ra đi còn nhớ về một Việt Bắc hào hùng trong kháng chiến. Với giọng thơ hào hùng, mạnh mẽ, nhanh, dồn dập đã góp phần diễn tả sự hào hùng của Việt Bắc trong những năm tháng kháng chiến. Đồng thời, việc lựa chọn sử dụng các hình ảnh cũng để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc. Nhớ về Việt Bắc trong kháng chiến là nhớ tới một không gian “những đường Việt Bắc của ta” – một không gian rộng lớn, bao la, mênh mông, một bối cảnh rộng. Để rồi, trên cái nền không gian rộng lớn, mênh mông ấy, hình ảnh quân và dân ta hiện lên thật đẹp, thật hùng dũng. Khí thế ấy hiện lên thật rõ nét qua hình ảnh những đoàn quân nối tiếp nhau ra trận, đoàn quân này nối tiếp đoàn quân khác tạo nên một đoàn quân dài, cứ thế nối nhau “quân đi điệp điệp trùng trùng”,“dân quân đỏ đuốc từng đoàn” đồng thời, đó còn là hình ảnh “đèn pha bật sáng”. Tất cả, tất cả những hình ảnh ấy quyện hòa vào nhau, bổ sung cho nhau để vẽ nên một Việt Bắc với khí thế dũng mãnh, dồn dập, dường như tất cả cùng nhau ra trận, người người đánh giặc, nhà nhà đánh giặc – hình ảnh một Việt Bắc hào hùng, anh dũng trong những năm tháng chống Pháp. Không chỉ nhớ về khí thế hào hùng của Việt Bắc, người ra đi còn nhớ và tái hiện lại những chiến thắng vang dội, lẫy lừng của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp xâm lược.

Tin vui chiến thắng trăm miền

Hào Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về

Vui từ Đồng Tháp. An Khê

Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.

Thêm vào đó, trong mười sáu câu thơ cuối của bài thơ, tác giả còn nêu bật lên cho chúng ta thấy vai trò, vị trí to lớn của Việt Bắc trong những năm tháng quân và dân ta chống thực dân Pháp xâm lược. Việt Bắc trước hết là quê hương cách mạng, là đầu não, là cái nôi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Đồng thời, Việt Bắc còn là nơi khích lệ, cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân và dân ta, nơi tiếp thêm cho quân và dân ta niềm tin, niềm hi vọng về ngày chiến thắng, về ngày hòa bình của dân tộc, của Tố quốc.

Ở đâu u ám quân thù

Nhìn lên Việt Bắc: Cụ Hồ sáng soi

Ở đâu đau đớn giống nòi

Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền.

Để rồi, sau tất cả, hai câu kết thúc bài thơ như một lần nữa cất lên lời thề thủy chung son sắt với nhân dân, với quê hương cách mạng.

Mình về mình lại nhớ ta

Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào.

Tóm lại, bài thơ với việc sử dụng cặp đại từ nhân xưng “mình” – “ta” cùng kết cấu đối đáp quen thuộc đã tạo nên một cuộc chia tay đầy nhớ thương giữa cán bộ với nhân dân Việt Bắc. Bài thơ như một khúc tình ca cách mạng về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và là khúc ca tình nghĩa giữa những con người trong cuộc kháng chiến gian khổ ấy. Đồng thời, qua đoạn trích cúng giúp chúng ta hiểu hơn về phong cách thơ của Tố Hữu.

**Phân tích bài thơ Việt Bắc - mẫu 5**

Tố Hữu là một nhà thơ lớn trong nền văn học Việt Nam nói chung và trong mảng văn học cách mạng nói riêng, là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng và kháng chiến. Ở Tố Hữu có sự thống nhất hài hòa giữa cuộc đời cách mạng và cuộc đời thơ. Chính vì vậy có thể nói rằng, qua các tác phẩm của ông, ta không chỉ thấy được thế giới tâm hồn tình cảm, thấy được phong cách nghệ thuật độc đáo của ngòi bút thơ Tố Hữu mà qua đó dường như nhà văn đã phản ánh một cách rõ nét nhất những dấu mốc lịch sử quan trọng xuyên suốt quá trình kháng chiến bảo vệ nền độc lập dân tộc, người đọc vì thế mà có thể thấy được trọn vẹn những trang sử vẻ vang của đất nước như những thước phim quay chậm. Cùng phân tích bài thơ Việt Bắc bạn sẽ rõ.

Bài thơ được sáng tác vào tháng mười năm 1954, ngay sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vừa kết thúc thắng lợi, các cơ quan trung ương của Đảng và Chính phủ từ Việt Bắc – thủ đô gió ngàn của dân tộc trở về Hà Nội. Tố Hữu cũng là một trong những cán bộ kháng chiến từng sống và gắn bó với người dân và thiên nhiên Việt Bắc, nay trở về chia tay đầy ngậm ngùi và lưu luyến, nhà thơ xúc động viết nên bài thơ này.

Bài thơ được viết theo thể lục bát, thể thơ truyền thống của dân tộc mang âm hưởng nhẹ nhàng uyển chuyển thấm đẫm chất trữ tình của những câu ca dao. Trong cảm xúc lắng đọng ngậm ngùi của buổi chia li, việc sử dụng thể thơ này để biểu đạt tình cảm và hồi tưởng lại những kỉ niệm gắn bó với núi rừng Việt Bắc, người dân Việt Bắc là hoàn toàn hợp lí.

Tác giả mở đầu bài thơ bằng một loạt những câu hỏi tu từ:

Mình về mình có nhớ ta?

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Mình về mình có nhớ không?

Nhìn cây nhớ suối nhìn sông nhớ nguồn.

Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi

Áo chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay…

Mình đi có nhớ những ngày

Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù

Mình về có nhớ chiến khu

Miếng cơm chấm muối mối thù nặng vai?

Mình về rừng núi nhớ ai

Trám bùi để rụng, măng mai để già

Mình đi có nhớ những nhà

Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son

Mình về còn nhớ núi non

Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh

Mình đi mình có nhớ mình

Tân Trào, Hồng Thái mái đình cây đa?

Những kỉ niệm đó giờ đây chỉ còn là những kỉ niệm trong dòng kí ức… chầm chậm trôi… Những câu hỏi cứ nối tiếp nhau xuất hiện làm nên một điệp khúc thấm đẫm tâm trạng của nhân vật trữ tình. Cũng chính qua những dòng thơ này mà khung cảnh núi rừng Việt bắc đại ngàn hiện ra rõ nét nhất. Đó là núi non hùng vĩ, những con sông, những cơn mưa ào ạt đổ về nguồn mây mù khói tỏa… Nhưng giữa bức tranh đó nổi bật nhất chính là cuộc sống sinh hoạt và chiến đấu hết sức gian lao, khổ cực nhưng vô cùng gắn bó, đoàn kết, thắm tình nghĩa như những người con cùng chung một dòng máu giữa cán bộ kháng chiến và nhân dân Việt Bắc. Cuộc sống chiến đấu tuy vất vả và khó khăn nhưng nhờ có sự ủng hộ và nâng đỡ tinh thần của những con người chân chất nơi núi rừng đại ngàn đó nên tất cả đã trở thành những kỉ niệm đẹp đẽ không thể nào quên trong trái tim của hai phía.

Chân bước đi mà lòng còn ở lại…trái tim gắn bó hơn mười năm giờ đây một phần đã thuộc về đất, về người, về núi rừng nơi đây giờ phải chia xa làm sao cho nỡ. Người chiến sĩ bước đi trong ngậm ngùi thương nhớ. Những câu hỏi của đồng bào Việt Bắc không chỉ thể hiện được sự lưu luyến nuối tiếc mà còn như muốn khắc sâu hơn nữa những ngày tháng kỉ niệm đó.

Cách xưng hô “mình – ta” cũng là cách xưng hô rất gần gũi thân mật thể hiện sự gắn bó máu thịt giữa quân và dân, chính vì vậy mà lời thơ như lời tâm tình thủ thỉ, giọng thơ mang âm hưởng nhẹ nhàng mà đằm thắm thiết tha. Hình ảnh áo chàm trong câu thơ: “Áo chàm đưa buổi phân li…” là hình ảnh hoán dụ chỉ đồng bào Việt Bắc đang bịn rịn trong chia li. Bàn tay đan chặt bàn tay, người đi kẻ ở, họ không biết nói gì ngoài việc trao cho nhau những cái nắm tay nồng ấm. Cái bắt tay này ta cũng đã từng gặp trong thơ của Chính Hữu:

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay…

Đúng, họ không có gì trao cho nhau giữa trời khuya lạnh giá ngoài tình đồng chí đồng đội keo sơn gắn bó. Cái bắt tay giản đơn thôi nhưng đã giúp người chiến sĩ vượt qua những khó khăn thiếu thốn của buổi đầu kháng chiến. Ở đây cái nắm tay này diễn ra trong bối cảnh chia li, chính vì vậy nó có ý nghĩa như một minh chứng cho tình cảm nồng thắm quân dân.

Trước tình cảm tha thiết cùng với sự bày tỏ nỗi nhớ nhung đặc biệt ấy, người chiến sĩ cũng dần trải lòng ra qua từng câu chữ:

Ta với mình, mình với ta

Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh

Mình đi mình lại nhớ mình

Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu

Nhớ gì như nhớ người yêu

Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương

Nhớ từng bản khói cùng sương

Sớm khuya bếp lửa người thương đi về

Nhớ từng rừng nứa bờ tre

Ngòi Thia sông Đáy, suối Lê vơi đầy

Ta đi ta nhớ những ngày

Mình đây ta đó đắng cay ngọt bùi….

Thương nhau chia củ sắn lùi

Bát cơm sẻ nửa chăn sui đắp cùng

Nhớ người mẹ nắng cháy lưng

Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô

Nhớ sao lớp học i tờ

Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan

Nhớ sao ngày tháng cơ quan

Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.

Nhớ sao tiếng mõ rừng chiều

Chày đêm nện cối đều đều suối xa…

Những kí ức như ào ạt dội về, mỗi kỉ niệm đều vô cùng rõ nét như mới diễn ra ngày hôm qua vậy. Người chiến sĩ đã khẳng định tấm lòng son sắt thủy chung, tình cảm dạt dào và nghĩa tình sâu nặng như nguồn nước trong mát đổ về bản làng. Người chiến sĩ còn nhớ đến vầng trăng tròn đầy sau những rặng núi xa sau bản, nhớ những vạt nắng vàng như màu mật đổ xuống những cánh đồng ruộng bậc thang ngào ngạt mùi lúa chín, nhớ những sáng tinh sương mịt mù trong mây và khói tỏa, nhớ từng dòng suối cánh rừng… Thiên nhiên núi rừng Việt Bắc lại một lần nữa hiện lên qua từng câu thơ hết sức hùng vĩ thơ mộng khiến cho ai đi xa mà chẳng nhớ về.

Anh còn thấy xao xuyến bồi hồi khi nhớ lại hương vị của củ sắn lùi, bắt cơm sẻ nửa tuy bình dị nhưng nồng thắm nghĩa tình. Hình ảnh người mẹ địu con lên rẫy làm việc là hình ảnh tiêu biểu cho phong trào nuôi quân của hậu phương nơi núi rừng Việt Bắc. Nhớ những lớp học i tờ, nhớ khúc hát ca vang rừng núi của đoàn dân quân… Những kỉ niệm ấy quả thực vô cùng đẹp đẽ và đã trở thành một phần máu thịt của anh. Chẳng cần những lời nói chia tay lưu luyến nhưng qua việc tái hiện lại một loạt các câu hỏi như thế ta cũng đủ thấy được tình cảm sâu đậm, sự gắn bó tha thiết giữa những người cán bộ và người dân.

Ta về mình có nhớ ta

Ta về ta nhớ những hoa cùng người

Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng

Ngày xuân mơ nở trắng rừng

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang

Ve kêu rừng phách đổ vàng

Nhớ cô em gái hái măng một mình

Rừng thu trăng rọi hòa bình

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

Chỉ qua một vài câu thơ mà nhà thơ đã tái hiện lại một cách chân thực và rõ nét nhất thiên nhiên Việt Bắc qua bốn mùa xuân hạ thu đông nhưng nhà thơ lại chọn miêu tả mùa đông trước phải chăng là những cán bộ chiến sĩ đến vào mùa đông và cũng ra đi vào mùa đông, mùa đông là mùa của gặp gỡ và chia phôi cho nên nó khắc sâu vào trong lòng người nhất. Mùa đông – mùa của những cánh rừng bạt ngàn màu xanh tươi mát, của những bông hoa chuối đỏ tươi. Con người hiện lên trong bức tranh thơ mộng đó đang trong tư thế sẵn sàng chinh phục tự nhiên: “Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng”. Đông qua xuân về, bức tranh Việt Bắc lại khoác lên mình màu áo mới. Đó chính là sắc trắng tinh khiết của hoa mơ, con người trong lao động hết sức cần cù miệt mài. Thu về là những cánh rừng trắng xóa màu hoa mơ chuyển sang màu hổ phách cùng tiếng ve kêu như thúc giục lòng người. Hình ảnh người con gái Việt Nam hái măng một mình cũng thật thơ mộng làm sao. Kết thúc bức tranh bốn mùa là ánh trăng hòa bình cùng với những câu hát say đắm thủy chung.

Có thể nói rằng chỉ qua một vài câu thơ nhưng dòng chảy cuộc sống như đang ngưng tụ lại trên từng câu chữ. Con người và thiên nhiên Việt Bắc như là trung tâm trong bức tranh bốn mùa đó. Những nàng tiên đại diện cho sắc màu bốn mùa như đang lướt nhẹ trên những câu chữ vậy.

Sau những câu thơ miêu tả thiên nhiên người chiến sĩ nhắc đến những hoạt động cách mạng vô cùng sôi nổi của mình:

Nhớ khi giặc đến giặc lùng

Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây

Núi giăng thành lũy sắt dày

Rừng che bộ đội rừng vây quân thù

Mênh mông bốn mặt sương mù

Đất trời ta cả chiến khu một lòng

Ai về ai có nhớ không?

Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng

Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng

Nhớ từ Cao Lạng nhớ sang Nhị Hà…

Những kí ức ùa về trong tâm trí là khi bộ đội đánh giặc. Khi quân giặc đến, không chỉ bộ đội ta mà cả núi rừng thiên nhiên hoang dã cùng đồng lòng đồng sức đánh giặc. Đối với quân và dân ta, rừng dang bàn tay âu yếm che chở và bảo vệ, những tán lá rừng xanh mát như một thứ ngụy trang khiến cho bộ đội yên lòng chiến đấu và chiến thắng quân thù. Còn đối với quân giặc, rừng lại như một vùng địa thế hiểm trở như một ma trận bao vây khiến chúng có thể rơi vào rất nhiều cạm bẫy. Khi ấy thiên nhiên núi rừng Việt Bắc đã góp phần làm nên chiến thắng, làm nên những trang sử vẻ vang của dân tộc.

Nhưng trên tất cả tình dân quân thể hiện rõ nhất trong đoạn thơ:

Những đường Việt Bắc của ta

Đêm đêm rầm rập như là đất rung

Quân đi điệp điệp trùng trùng

Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ man

Dân công đuốc đỏ từng đoàn

Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay

Nghìn đêm thăm thẳm sương dày

Đèn pha bật sáng như ngày mai lên

Tin vui chiến thắng trăm miền

Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về

Vui từ Đồng Tháp An Khê

Vui lên Việt Bắc đèo De núi Hồng.

Khí thế của đoàn quân vô cùng mạnh mẽ được thể hiện thông qua hình ảnh so sánh “đêm đêm rầm rập như là đất nung”, qua những từ ngữ gợi hình gợi tả “điệp điệp trùng trùng”, qua hình ảnh hoán dụ ánh sao đầu súng và mũ nan – những hình ảnh biểu tượng cho bộ đội và những người dân Việt Bắc. Ngọn đuốc trên tay quân dân không chỉ thắp sáng lên cả bầu trời Việt Bắc khi ấy mà nó còn thắp lên cả những thế hệ, thắp lên tương lai, thắp lên niềm tin và hi vọng về một chiến thắng không xa. Sức mạnh của cả một đoàn quân khí thế đến nỗi có thể làm cho đá nát lửa bay không một thế lực nào có thể ngăn cản được. Bằng nghệ thật phóng đại cường điệu, nhà thơ Tố Hữu dường như đã tái hiện lại bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ để rồi giờ đây chỉ qua những dòng thơ ngắn gọn, ta như trở về với một thời hào hùng của cha ông. Giữa bóng tối vây quanh ngọn đèn pha như thắp lên niềm tin niềm hi vọng của quân dân về một tương lai tốt đẹp hơn.

Cuối cùng, sau những tháng ngày chiến đấu gian lao và khổ cực quân và dân ta đã giành được thắng lợi vô cùng vẻ vang. Hạnh phúc vỡ òa không từ ngữ nào có thể diễn tả. Từ Hòa Bình Tây Bắc hay Điện Biên, nhân dân như vui cùng một niềm hạnh phúc. Điều này chứng tỏ sự gắn bó máu thịt sự đoàn kết không thể nào phá rời của quân và dân ta khi đất nước gặp khó khăn.

Trong niềm thương nhớ nuối tiếc khi chia xa, nhà thơ cất lên những giai điệu hào hùng ca ngợi tổ quốc ca ngợi Đảng và Chính phủ Việt Nam:

Ai về ai có nhớ không?

Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang

Nắng trưa rực rỡ sao vàng

Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công

Điều quân chiến dịch thu đông

Nông thôn phát động giao thông mở đường

Giữ đê, phòng hạn, thu lương

Gửi dao miền ngược, thêm trường các khu

Ở đâu u ám quân thù

Nhìn lên Việt Bắc cụ Hồ sáng soi

Ở đâu đau đớn giống nòi

Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền

Mười lăm năm ấy ai quên

Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hòa

Mình về mình lại nhớ ta

Mái đình Hồng Thái cây đa Tân Trào.

Ngày hôm qua ấy mãi ở trong lòng người chiến sĩ cách mạng, tồn tại như một phần kí ức không thể nào tách rời. Hình ảnh ngọn cờ sao vàng như một minh chứng cho những thắng lợi vẻ vang của dân tộc. Hình ảnh Bác Hồ như một biểu tượng tiếp thêm dũng khí và nghị lực cho quân dân ta tiếp tục chiến đấu và chiến thắng. Bác như tiếp thêm cho chúng ta ý chí lòng can đảm bởi chỉ có ý chí mới vượt qua được những chông gai thử thách và khó khăn đang đợi chờ phía trước.

Mình về thành thị xa xôi

Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng?

Phố đông còn nhớ bản làng

Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?

Mình đi ta hỏi thăm chừng

Bao giờ Việt Bắc tưng bừng thêm vui?

Lời thơ như lời băn khoăn day dứt khôn nguôi của người dân Việt Bắc đối với người chiến sĩ cách mạng trong giờ phút chia tay. Các hình ảnh hoán dụ như nhà cao, núi đồi, phố đông, sáng đèn, mảnh trăng giữa rừng là các hình ảnh tượng trưng cho cuộc sống nơi thành thị và nơi núi rừng. Đối lập giữa một bên là cuộc sống sung túc và đủ đầy và một bên là cuộc sống dân dã nghèo khổ nhưng đầy ắp kỉ niệm nơi núi rừng thiên nhiên, tác giả đã diễn tả sự băn khoăn trong lòng người dân rằng liệu hoàn cảnh sống thay đổi, những người cán bộ có thay lòng đổi dạ, có lãng quên quá khứ, lãng quên đi những con người đã cùng kề vai sát cánh trong những tháng ngày gian khó, đang ngày đêm nhớ nhung và mong chờ họ trở về thăm. Đáp lại, người cán bộ bày tỏ:

Đường về đây đó gần thôi

Hôm nay rời bản về nơi thị thành

Nhà cao chẳng khuất núi xanh

Phố đông càng giục chân nhanh bước đường

Ngày mai về lại thôn hương

Rừng xưa núi cũ yêu thương lại về

Ngày mai rộn rã sơn khê

Ngược xuôi tàu chạy bốn bề núi giăng…

Người cán bộ cách mạng đã khẳng định tấm lòng son sắt thủy chung của mình: dù hoàn cảnh sống có thay đổi nhưng lòng luôn hướng về Việt Bắc, con tim luôn dạt dào nỗi nhớ và tình cảm dành cho con người và thiên nhiên nơi đây. Dù sống trong nhà cao nhưng sẽ không quên được những rặng núi xanh mát. Vào một ngày không xa họ sẽ trở về thăm lại bản làng, tình cảm lại trở về tươi mới vẹn nguyên như thuở ban đầu.

Trong những giây phút chia li cuối cùng, lời nhắn cuối cùng mà người dân Việt Bắc muốn nhắn nhủ là:

Mình về với Bác đường xuôi

Thưa giùm Việt Bắc không nguôi nhớ người

Nhớ ông Cụ mắt sáng ngời

Áo nâu túi vải đẹp tươi lạ thường

Nhớ Người những sáng tinh sương

Ung dung yên ngựa trên đường suối reo

Nhớ chân Người bước lên đèo

Người đi rừng núi trông theo bóng Người.

Hình ảnh Bác lại một lần nữa hiện lên trong bài thơ. Chỉ có điều Bác hiện lên không phải như một biểu tượng đẹp tiếp thêm cho người chiến sĩ cách mạng ý chí và niềm tin, không phải là một biểu tượng cho sức mạnh đánh tan quân thù nữa mà Bác hiện lên trong những câu thơ này là một con người hết sức đời thường: mắt sáng ngời, áo nâu túi vải trong tư thế ung dung trên yên ngựa vào mỗi sáng tinh sương. Quả thật hình ảnh Bác hiện lên như một ông tiên trong những câu chuyện cổ, rất bình dị nhưng vẫn đẹp một cách phi thường. Giờ đây con người đó đã đi xa cả rừng núi như dõi theo từng bước đi của Người.

Kết thúc bài thơ là hai câu thơ với âm hưởng tươi sáng:

Cầm tay nhau hát vui chung

Hôm sau mình nhé hát cùng thủ đô.

Hai câu cuối bài thơ mang âm hưởng tươi vui chính vì vậy mà dù đề tài có viết về cảnh chia tay nhưng không hề gây cho người đọc cảm giác buồn bã đau thương hay nuối tiếc mà trái lại vẫn tươi vui trong sáng, mở ra một tương lai huy hoàng, một viễn cảnh tương lai khi đất nước phát triển đi lên không ngừng. Khúc ca cuối bài khép lại bài thơ như là lời ngợi ca sức sống của Tổ quốc, cũng chính là khúc ca chia tay đầy tin tưởng.

Bài thơ Việt Bắc khép lại nhưng để lại trong lòng người đọc những dư vị khó phai. Có được thành công như vậy trước hết là phải kể đến những nét đặc sắc về nghệ thuật. Bài thơ mang tính dân tộc được thể hiện khá rõ xuyên suốt bài thơ. Thể thơ lục bát – một thể thơ quen thuộc trong dân gian được nhà thơ sử dụng hết sức thành công, âm hưởng nhẹ nhàng tinh tế in sâu vào tâm trí mỗi người. Chất văn xuôi cũng được đưa vào trong thơ và được vận dụng sáng tạo linh hoạt, những hình ảnh so sánh, những cách nói ví von cũng góp phần tạo nên giọng điệu của bài thơ.

Bài thơ Việt Bắc không chỉ tái hiện lại được không khí vào những năm kháng chiến chống Pháp mà còn đưa người đọc ngược dòng thời gian để tìm về với những nét đẹp trong tâm hồn người quân dân: vẻ đẹp của tấm lòng thủy chung son sắt, vẻ đẹp của sự đoàn kết gắn bó, rộng hơn nữa đó chính là ý thức trách nhiệm đối với Tổ quốc với nhân dân. Cũng từ đó mà ta thấy được tài năng và khả năng giao cảm tinh tế với cái đẹp của thiên nhiên, của con người Việt Bắc của Tố Hữu. Để làm được điều đó Tố Hữu đã trải qua một thời gian dài sống và gắn bó với người dân, với thiên nhiên núi rừng Việt Bắc.

Bài Việt Bắc của Tố Hữu cùng với những bài thơ khác cùng thời, cùng đề tài như Đồng chí của Chính Hữu, Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật, đã góp phần rất lớn vào trong chủ đề thơ ca cách mạng không những có tác dụng cổ vũ động viên tinh thần người chiến sĩ mà còn như những tấm gương phản chiếu về một thời đại vẻ vang của dân tộc, để cho thế hệ sau mãi tự hào từ đó mà càng thấy được.